TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2020
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Nhung**

2. Bà **Lê Thị Nhanh**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hà Thanh Bình–** Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 621/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 438/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Văn Tú V**, sinh năm 1995

Địa chỉ: 423/29D đường Q, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Thù Ngọc Vân A,** sinh năm 1995

Địa chỉ: 2/42 M Street, B, 3019 M, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 và bản tự khai, nguyên đơn ông Võ Văn Tú V trình bày:

Ông và bà Thù Ngọc Vân A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 27/6/2019 của UBND phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, bà Thù Ngọc Vân A quay trở lại Úc để tiếp tục việc học. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng liên lạc qua điện thoại, tin nhắn, Facebook. Qua sự liên lạc này được thời gian ngắn thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng suy nghĩ và quan điểm sống. Dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Từ tháng

10/2019 đến nay, vợ chồng chấm dứt mọi liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông yêu cầu được ly hôn bà A.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai ngày 09/01/2020 của bị đơn bà Thù Ngọc Vân A được Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận cùng ngày có nội dung:

Bà và nguyên đơn tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do UBND phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, thực tế hai bên chưa chung sống với nhau. Mâu thuẫn phát sinh từ quan điểm do không cùng chí hướng kế hoạch sống cho tương lai. Nay ông Võ Văn Tú V yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: xác nhận không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thủ tục ủy thác tư pháp, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu và thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Võ Văn Tú V được ly hôn bà Thù Ngọc Vân A. Con chung: không có. Tài sản chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Văn Tú V đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn bà Thù Ngọc Vân A cư trú tại nước Úc; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn Tú V, bị đơn bà Thù Ngọc Vân A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Ông Võ Văn Tú V và bà Thù Ngọc Vân A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 27/6/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của ông V thì sau khi kết hôn bà A quay trở về nước Úc để tiếp tục việc học. Vợ chồng liên lạc với nhau qua điện thoại, tin nhắn và facebook, được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về suy nghĩ và cách sống, dù vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không giải quyết được. Từ tháng 10/2019 đến nay, vợ chồng đã chấm dứt mọi liên lạc. Ông V xác định không còn tình cảm với vợ, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn. Lời khai bà A cũng xác nhận giữa vợ chồng không cùng chí hướng kế hoạch sống cho tương lai nên đồng ý ly hôn.

Xét, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông V.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai không có.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Võ Văn Tú V, bà Thù Ngọc Vân A đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 37; điểm a, khoản 2 Điều 38; Điều 464; khoản 1 Điều 469, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 123, Điều 124, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn Tú V được ly hôn bà Thù Ngọc Vân A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Văn Tú V và bà Thù Ngọc Vân A khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Võ Văn Tú V phải chịu, nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cấn trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông V đã nộp tại Biên lai thu số AA/2019/0024948 ngày 12/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông V đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Võ Văn Tú V và bị đơn bà Thù Ngọc Vân A; ông Võ Văn Tú V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, bà Thù Ngọc Vân A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhung